

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BẠC TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

CAO THỊ THU HẰNG
Học viện Tài chính phân hiệu Hưng Yên

Nhận bài ngày 20/8/2026. Sửa chữa xong 22/9/2026. Duyệt đăng 28/9/2026.

Abstract

Population aging is becoming a major demographic trend with far-reaching implications for Vietnam's socioeconomic development. Given the rapid pace of aging, the country faces significant challenges related to the labor market, social security, healthcare, and income security for older people. However, population aging creates not only pressures but also opportunities for developing a new market with considerable potential, commonly known as the silver economy. This article proposes solutions to improve the development of Vietnam's silver economy in the current context of population aging.

Keywords: Healthcare, population aging, silver economy, social security, solutions.

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số đang trở thành một xu hướng nhân khẩu học có tác động ngày càng sâu rộng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Nhờ những thành tựu về kinh tế, y tế và điều kiện sống, tuổi thọ của người dân ngày càng được nâng cao, trong khi mức sinh giảm đã làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu dân số theo hướng tăng tỷ trọng người cao tuổi. Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 và được dự báo sẽ chuyển sang xã hội già vào khoảng năm 2036. Quá trình này diễn ra với tốc độ nhanh, trong khi thời gian chuẩn bị về kinh tế, thể chế, y tế và an sinh xã hội còn tương đối hạn chế. Già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức đối với tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nguy cơ thu hẹp lực lượng lao động, gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn, tạo áp lực lên hệ thống bảo hiểm xã hội và ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ kinh tế, sự gia tăng nhanh chóng của dân số cao tuổi đồng thời hình thành một thị trường mới với nhu cầu ngày càng đa dạng về y tế, chăm sóc, tài chính, bảo hiểm, nhà ở, công nghệ, du lịch và các dịch vụ xã hội. Đây chính là cơ sở hình thành và phát triển kinh tế bạc (Silver Economy). Trong bối cảnh Việt Nam đang tiến gần giai đoạn xã hội già, việc nghiên cứu kinh tế bạc có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Phát triển kinh tế bạc không chỉ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người cao tuổi mà còn góp phần khai thác nguồn lực, kinh nghiệm và khả năng tham gia kinh tế của nhóm dân số này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng già hóa dân số và những tác động đến kinh tế Việt Nam

Việt Nam đang trải qua quá trình già hóa dân số với tốc độ nhanh, là kết quả của sự kết hợp giữa mức sinh giảm, tuổi thọ tăng và những thành tựu về kinh tế - xã hội, y tế và điều kiện sống. Quy mô dân số cao tuổi tăng nhanh là minh chứng rõ nét cho sự thay đổi cơ cấu dân số. Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, dân số Việt Nam tại thời điểm ngày 1/4/2024 đạt 101,11 triệu người, trong đó nhóm từ 60 tuổi trở lên đạt khoảng 14,2 triệu người. Số người cao tuổi tăng khoảng 2,8 triệu người so với năm 2019 và tăng khoảng 4,7 triệu người so với năm 2014, tương ứng mức tăng khoảng 50% trong vòng 10 năm. Năm 2024, nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm 9,3%, trong khi nhóm 15-64 tuổi vẫn chiếm 67,4% cho thấy Việt Nam về cơ bản vẫn đang ở trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng nhưng

Email: Hang1979hy@gmail.com

đồng thời đã bước sâu vào quá trình già hóa (Matthew Jackson, 2026). Đáng chú ý, chỉ số già hóa năm 2024 đạt 60,2%, phản ánh sự thay đổi nhanh chóng trong tương quan giữa dân số cao tuổi và dân số trẻ. Cục Thống kê dự báo đến năm 2030, số người từ 60 tuổi trở lên sẽ đạt xấp xỉ 18 triệu người, tăng gần 4 triệu người chỉ trong 6 năm.

Già hóa dân số diễn ra trong bối cảnh Việt Nam vẫn đang ở trình độ phát triển kinh tế chưa cao so với nhiều quốc gia đã trải qua quá trình chuyển đổi dân số tương tự. Ngân hàng Thế giới và JICA nhận định Việt Nam đang đứng trước nguy cơ “già trước khi giàu”, bởi quá trình chuyển sang xã hội già diễn ra khi thu nhập bình quân đầu người vẫn còn thấp hơn đáng kể so với các quốc gia phát triển đã trải qua quá trình già hóa. Việt Nam sẽ chuyển từ xã hội già hóa sang xã hội già vào khoảng năm 2035; đồng thời, tỷ lệ phụ thuộc tuổi già, được tính bằng số người từ 65 tuổi trở lên trên số người trong độ tuổi lao động, được dự báo tăng từ 0,11 năm 2019 lên 0,22 vào năm 2039, tức tăng gấp đôi chỉ trong khoảng 20 năm (Cục Thống kê - Bộ Tài chính, 2025a).

Tác động đầu tiên và trực tiếp nhất của già hóa dân số là sự thay đổi quy mô và cơ cấu lực lượng lao động: Trong giai đoạn dân số vàng, Việt Nam được hưởng lợi từ tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động cao, góp phần cung cấp nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, đô thị hóa và tăng trưởng xuất khẩu. Tuy nhiên, lợi thế này đang dần thu hẹp. Nghiên cứu của World Bank cho thấy trong khoảng ba thập niên tới, lực lượng lao động Việt Nam có thể giảm trung bình khoảng 0,9% mỗi năm, tạo sức ép đáng kể đối với khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng nếu năng suất lao động không được cải thiện tương ứng. Trong giai đoạn 1990-2018, gần 25 triệu người Việt Nam gia nhập độ tuổi lao động, góp phần làm lực lượng lao động gần như tăng gấp đôi; riêng giai đoạn 2008-2018, tăng trưởng lực lượng lao động đóng góp khoảng 0,9 điểm phần trăm vào tốc độ tăng GDP thực bình quân 6,2%/năm (UNFPA Việt Nam, 2025). Khi đóng góp của yếu tố lao động giảm xuống, tăng trưởng trong tương lai sẽ phải phụ thuộc nhiều hơn vào năng suất lao động, vốn, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Gia tăng áp lực đối với hệ thống an sinh xã hội và tài chính công: Khi số lượng người cao tuổi tăng nhanh, nhu cầu về lương hưu, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội và các dịch vụ chăm sóc dài hạn cũng tăng theo. Trong khi đó, khả năng tự bảo đảm thu nhập của một bộ phận người cao tuổi còn hạn chế do lịch sử tham gia thị trường lao động phi chính thức tương đối lớn. Các nghiên cứu của UNFPA cho thấy khoảng cách về bảo đảm thu nhập giữa các nhóm người cao tuổi còn đáng kể, đặc biệt đối với phụ nữ, người dân ở khu vực nông thôn và những người từng làm việc trong khu vực phi chính thức.

Chi phí chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn: Già hóa dân số thường đi kèm với sự gia tăng tỷ lệ mắc các bệnh mạn tính, suy giảm chức năng và nhu cầu hỗ trợ trong sinh hoạt. Số liệu gần đây cho thấy tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã đạt trên 74 tuổi nhưng tuổi thọ sống khỏe chỉ khoảng 65,4 tuổi, tạo ra khoảng cách gần 10 năm mà một bộ phận người dân có thể phải sống với bệnh tật hoặc suy giảm chức năng. UNFPA cho rằng đây là một trong những vấn đề cấu trúc quan trọng của quá trình già hóa tại Việt Nam, bởi nhu cầu chăm sóc đang tăng nhanh trong khi hệ thống dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp và chăm sóc dài hạn chưa phát triển tương xứng. Từ góc độ kinh tế, điều này có thể làm tăng chi tiêu y tế của hộ gia đình, tăng nhu cầu nhân lực chăm sóc và đồng thời tạo thêm áp lực lên ngân sách nhà nước. World Bank ước tính việc đáp ứng các nhu cầu của một xã hội già hóa có thể làm phát sinh thêm chi phí tương đương 1,4 - 4,6% GDP, tùy thuộc vào mức độ mở rộng độ bao phủ và chất lượng dịch vụ công.

Bên cạnh những tác động tiêu cực, già hóa dân số cũng tạo ra những cơ hội kinh tế mới, đặc biệt là sự hình thành thị trường dành cho người cao tuổi. Quy mô 14,2 triệu người từ 60 tuổi trở lên năm 2024 và dự báo khoảng 18 triệu người vào năm 2030 cho thấy đây sẽ là một nhóm khách hàng có quy mô ngày càng lớn. Nhu cầu của nhóm dân số này không chỉ giới hạn ở khám chữa bệnh mà mở rộng sang dịch vụ chăm sóc tại nhà, cơ sở dưỡng lão, phục hồi chức năng, thiết bị y tế, bảo hiểm, sản phẩm tài chính, nhà ở thích ứng với tuổi già, du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, giáo dục suốt đời và các sản phẩm công nghệ hỗ trợ. Đáng chú ý, người cao tuổi không chỉ là đối tượng tiêu dùng mà còn có thể tiếp tục

là nguồn cung lao động và nguồn lực kinh tế. Một bộ phận người cao tuổi có sức khỏe, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và vốn xã hội vẫn có khả năng tiếp tục làm việc hoặc tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tư vấn và đào tạo. Trong bối cảnh lực lượng lao động trẻ dần tăng chậm, việc tạo điều kiện cho người cao tuổi có nhu cầu và khả năng tiếp tục làm việc có thể góp phần giảm tác động của thiếu hụt lao động. Đồng thời, việc sử dụng hiệu quả tri thức và kinh nghiệm của người cao tuổi còn góp phần duy trì vốn nhân lực và vốn xã hội trong nền kinh tế.

2.2. Những thách thức đối với phát triển kinh tế bạc ở Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số

Mặc dù già hóa dân số tạo ra thị trường mới và mở ra nhiều cơ hội cho phát triển kinh tế bạc, quá trình hình thành và mở rộng thị trường này ở Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức mang tính cơ cấu.

2.2.1. Tốc độ già hóa nhanh trong khi nền kinh tế chưa đạt mức thu nhập cao là thách thức nền tảng

Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 cho thấy Việt Nam có khoảng 14,2 triệu người từ 60 tuổi trở lên, tăng 2,8 triệu người so với năm 2019 và tăng 4,7 triệu người so với năm 2014. Chỉ số già hóa đạt 60,2%, tăng 11,4 điểm phần trăm so với năm 2019. Đáng chú ý, số người từ 60 tuổi trở lên được dự báo sẽ đạt gần 18 triệu người vào năm 2030. Trong khi đó, tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi đã giảm từ 68,0% năm 2019 xuống 67,4% năm 2024 (Cục Thống kê - Bộ Tài chính, 2025a). Những thay đổi này cho thấy Việt Nam đang phải đồng thời giải quyết hai yêu cầu: duy trì động lực tăng trưởng trong điều kiện nguồn cung lao động tương đối giảm và xây dựng một hệ thống sản phẩm, dịch vụ đáp ứng quy mô dân số cao tuổi ngày càng lớn.

2.2.2. Khả năng chi trả và sức mua của người cao tuổi còn hạn chế, làm giảm khả năng chuyển hóa nhu cầu tiềm năng thành nhu cầu thị trường thực tế

Khác với các nền kinh tế phát triển, nơi kinh tế bạc thường dựa trên nhóm dân số cao tuổi có tích lũy tài sản và thu nhập hưu trí tương đối cao, Việt Nam đang bước vào xã hội già trong điều kiện một bộ phận lớn người cao tuổi chưa có nguồn thu nhập ổn định từ lương hưu. Điều này đặc biệt đáng lưu ý vì thị trường kinh tế bạc không chỉ cần số lượng người cao tuổi lớn mà còn cần khả năng chi trả đủ mạnh để tạo ra cầu hiệu quả. Người cao tuổi có thu nhập thấp thường ưu tiên các nhu cầu thiết yếu như thực phẩm, thuốc men và khám chữa bệnh, trong khi hạn chế chi tiêu cho du lịch, giải trí, công nghệ, dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp hoặc các sản phẩm nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, nếu không đồng thời cải thiện an ninh thu nhập và mở rộng độ bao phủ an sinh xã hội, thị trường kinh tế bạc có nguy cơ phát triển không đồng đều, chủ yếu tập trung vào nhóm người cao tuổi có thu nhập khá ở khu vực đô thị.

Thực trạng này còn liên quan đến sự khác biệt lớn giữa các nhóm người cao tuổi. Năm 2024, chỉ số già hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long đạt 76,8% và Đồng bằng sông Hồng đạt 70,6%, cao hơn đáng kể mức bình quân cả nước 60,2%; trong khi Tây Nguyên chỉ ở mức 37,0% (Cục Thống kê - Bộ Tài chính, 2025b). Sự phân bố không đồng đều này dẫn đến nhu cầu về dịch vụ, chăm sóc sức khỏe và khả năng chi trả rất khác nhau giữa các địa phương. Do đó, mô hình kinh tế bạc áp dụng đồng nhất trên phạm vi cả nước có thể không phù hợp. Các trung tâm đô thị và vùng có mức sống cao có thể hình thành thị trường dịch vụ chăm sóc, du lịch, công nghệ và tài chính cao cấp, trong khi khu vực nông thôn cần ưu tiên các mô hình chăm sóc cộng đồng, chăm sóc tại nhà và dịch vụ có chi phí phù hợp.

2.2.3. Hệ thống chăm sóc dài hạn chưa phát triển tương xứng với tốc độ già hóa

Đây được xem là một trong những điểm nghẽn lớn nhất của kinh tế bạc tại Việt Nam. Báo cáo của UNFPA năm 2025 về phát triển nền kinh tế chăm sóc người cao tuổi nhấn mạnh nhu cầu xây dựng một hệ thống chăm sóc toàn diện, hiệu quả để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng do thay đổi nhân khẩu học. Đến năm 2026, World Bank tiếp tục chỉ ra rằng các dịch vụ chăm sóc dài hạn chính thức tại Việt Nam còn thiếu về khả năng tiếp cận, chất lượng, năng lực nhân lực và khả năng chi trả. Trong thời gian dài, phần lớn hoạt động chăm sóc người cao tuổi được thực hiện không chính thức bởi gia đình, đặc biệt là phụ nữ. Tuy nhiên, đô thị hóa, di cư lao động, quy mô hộ gia đình giảm và sự thay đổi vai trò giới đang

làm suy yếu khả năng duy trì mô hình chăm sóc truyền thống. Khoảng trống giữa nhu cầu chăm sóc ngày càng tăng và năng lực cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp nếu không được giải quyết sẽ trở thành một rào cản trực tiếp đối với sự phát triển của kinh tế bạc.

2.2.4. Thiếu hụt và chất lượng nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi

Kinh tế bạc không chỉ cần vốn và công nghệ mà còn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhân lực có chuyên môn về điều dưỡng, phục hồi chức năng, công tác xã hội, tâm lý lão khoa và chăm sóc dài hạn. Trong khi đó, lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào lao động gia đình hoặc lao động chăm sóc chưa được đào tạo chuyên nghiệp. World Bank năm 2026 nhận định năng lực lực lượng lao động chăm sóc dài hạn là một trong những khoảng trống đáng chú ý của Việt Nam. Đây là vấn đề có tính hai mặt: Một mặt, thiếu nhân lực làm hạn chế khả năng mở rộng dịch vụ; mặt khác, nếu xây dựng được hệ thống đào tạo và chứng nhận nghề nghiệp phù hợp, chính lĩnh vực chăm sóc có thể trở thành một ngành tạo việc làm lớn, đặc biệt cho lao động nữ và lao động trung niên.

2.2.5. Sự suy giảm lợi thế về nguồn cung lao động và tác động đến năng suất

World Bank và JICA đã cảnh báo rằng dân số trong độ tuổi lao động của Việt Nam bắt đầu giảm từ năm 2014 và xu hướng này dự kiến tiếp tục trong những năm tới. Cửa sổ cơ cấu dân số vàng được dự báo sẽ đóng lại vào khoảng năm 2042. Trong khi đó, kinh tế bạc lại đòi hỏi một lượng lớn lao động trong các lĩnh vực chăm sóc, y tế, dịch vụ xã hội và công nghệ hỗ trợ. Điều này có thể tạo ra tình trạng cạnh tranh nguồn nhân lực giữa các ngành: Một bên là các ngành sản xuất cần lao động để duy trì tăng trưởng, bên kia là ngành chăm sóc cần lao động để đáp ứng nhu cầu của xã hội già hóa. Vì vậy, phát triển kinh tế bạc phải gắn với nâng cao năng suất, tự động hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ hỗ trợ chăm sóc, đồng thời thiết kế các mô hình sử dụng lao động hiệu quả hơn.

2.2.6. Áp lực gia tăng đối với hệ thống y tế và chi phí chăm sóc sức khỏe

Già hóa dân số thường đi kèm với sự gia tăng bệnh mạn tính, suy giảm chức năng và nhu cầu chăm sóc dài hạn. Theo UNFPA, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã đạt khoảng 74,7 tuổi, trong khi tuổi thọ sống khỏe chỉ khoảng 65,4 tuổi; tức khoảng cách gần 10 năm (Matthew Jackson, 2026). Điều này có nghĩa là một bộ phận người dân có thể phải sống nhiều năm với bệnh tật hoặc hạn chế chức năng trước khi qua đời. Nếu hệ thống y tế chủ yếu tập trung vào mô hình điều trị bệnh cấp tính mà chưa chuyển mạnh sang phòng bệnh, quản lý bệnh mạn tính, phục hồi chức năng và chăm sóc dài hạn, chi phí y tế của hộ gia đình và Nhà nước sẽ tiếp tục tăng. Đây vừa là thách thức về tài chính vừa là thách thức về năng lực cung ứng dịch vụ nhưng đồng thời cũng cho thấy dư địa lớn để phát triển các ngành kinh tế bạc liên quan đến y tế dự phòng, chăm sóc tại nhà, phục hồi chức năng và công nghệ y tế.

2.3. Giải pháp phát triển kinh tế bạc trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế bạc

Cần xây dựng một khung chiến lược quốc gia về kinh tế bạc, gắn quá trình thích ứng với già hóa dân số với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân số, lao động, y tế, bảo hiểm xã hội và đổi mới sáng tạo. Thực tế cho thấy kinh tế bạc có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành như chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm, tài chính, nhà ở, giao thông, du lịch, công nghệ, giáo dục và dịch vụ xã hội. Nếu các chính sách được triển khai riêng lẻ theo từng ngành, khả năng hình thành một hệ sinh thái kinh tế bạc sẽ bị hạn chế. Báo cáo của UNFPA công bố tháng 01/2025 về phát triển nền kinh tế chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam nhấn mạnh nhu cầu sử dụng cách tiếp cận hoạch định tầm nhìn chiến lược để chủ động chuẩn bị cho sự gia tăng nhanh chóng nhu cầu chăm sóc trong tương lai.

Chiến lược quốc gia cần xác định rõ các ngành ưu tiên, quy mô thị trường mục tiêu, cơ chế huy động nguồn lực và trách nhiệm của từng chủ thể. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế, xây dựng tiêu chuẩn và hỗ trợ nhóm yếu thế; doanh nghiệp đóng vai trò cung cấp sản phẩm, dịch vụ và đổi mới sáng tạo; các tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc; còn người cao tuổi được xác định là chủ thể của quá trình phát triển, vừa là người tiêu dùng vừa có khả năng lao

động, kinh doanh và đóng góp xã hội. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm mới của UNFPA, theo đó người cao tuổi không nên chỉ được nhìn nhận như đối tượng thụ hưởng chính sách mà cần được coi là những chủ thể có khả năng đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.3.2. Phát triển nền kinh tế chăm sóc người cao tuổi

Xây dựng nền kinh tế chăm sóc có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người cao tuổi. Đây cũng là lĩnh vực mà Việt Nam cần ưu tiên do khoảng cách giữa nhu cầu và năng lực cung ứng hiện nay còn lớn. Theo UNFPA, khoảng 99% người cao tuổi ở Việt Nam hiện vẫn phụ thuộc chủ yếu vào sự chăm sóc của gia đình, trong đó phụ nữ đảm nhận phần lớn trách nhiệm chăm sóc. Điều này cho thấy hệ thống chăm sóc chính thức chưa phát triển tương xứng, đồng thời một lượng lớn lao động chăm sóc đang được thực hiện không trả công trong hộ gia đình. Do đó, Việt Nam cần chuyển dần từ mô hình chăm sóc chủ yếu dựa vào gia đình sang mô hình chăm sóc hỗn hợp, kết hợp giữa gia đình, cộng đồng, Nhà nước và thị trường. Các dịch vụ cần được phát triển theo một chuỗi liên tục gồm tự chăm sóc, chăm sóc tại nhà, chăm sóc cộng đồng, trung tâm chăm sóc ban ngày, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc dài hạn. Việc đa dạng hóa mô hình cung ứng không chỉ đáp ứng nhu cầu khác nhau của người cao tuổi mà còn giảm áp lực cho gia đình (World Bank & JICA, 2021).

2.3.3. Chuyên nghiệp hóa và phát triển nguồn nhân lực chăm sóc

Phát triển kinh tế bạc muốn bền vững phải đi kèm với chuyên nghiệp hóa nghề chăm sóc người cao tuổi. Hiện nay, phần lớn hoạt động chăm sóc được thực hiện bởi thành viên gia đình, trong khi lao động chăm sóc chuyên nghiệp còn thiếu về số lượng và chất lượng. Nếu không có đội ngũ điều dưỡng, nhân viên công tác xã hội, nhân viên chăm sóc tại nhà, chuyên gia phục hồi chức năng và nhân lực lão khoa được đào tạo bài bản, khả năng mở rộng thị trường dịch vụ chăm sóc sẽ bị hạn chế. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống đào tạo nghề chăm sóc người cao tuổi ở nhiều cấp độ, từ chăm sóc cơ bản tại nhà đến điều dưỡng và chăm sóc chuyên sâu. Các chương trình đào tạo cần kết hợp kiến thức y tế, tâm lý, dinh dưỡng, phục hồi chức năng, kỹ năng giao tiếp và đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, cần có hệ thống chứng chỉ nghề, tiêu chuẩn kỹ năng và cơ chế kiểm định chất lượng dịch vụ.

2.3.4. Tăng cường an sinh xã hội và khả năng chi trả của người cao tuổi

Một thị trường kinh tế bạc chỉ có thể phát triển khi nhóm dân số cao tuổi có sức mua thực tế nên bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi phải được coi là điều kiện nền tảng của phát triển kinh tế bạc. Thách thức hiện nay là mức độ bao phủ bảo hiểm xã hội của Việt Nam vẫn còn hạn chế. UNFPA từng ghi nhận tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội mới đạt khoảng 37% lực lượng lao động, thấp hơn mục tiêu 60% vào năm 2030 được đặt ra trong Nghị quyết 28-NQ/TW (Quốc hội, 2018). Do đó, cần tiếp tục mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, đặc biệt đối với lao động phi chính thức, lao động tự làm và khu vực nông nghiệp. Đồng thời, cần phát triển các sản phẩm hưu trí bổ sung, bảo hiểm sức khỏe và các hình thức tiết kiệm dài hạn để người dân có khả năng chuẩn bị tài chính cho tuổi già. Việc tăng cường an sinh không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn tạo ra cầu hiệu quả cho kinh tế bạc. Khi người cao tuổi có thu nhập ổn định, họ có khả năng chi tiêu nhiều hơn cho chăm sóc sức khỏe, du lịch, giải trí, công nghệ, nhà ở và các dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, chính sách an sinh và chính sách phát triển thị trường cần được thiết kế theo hướng bổ trợ lẫn nhau.

2.3.5. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và công nghệ dành cho người cao tuổi

Công nghệ cần trở thành một trong những động lực quan trọng của kinh tế bạc. Quy mô dân số cao tuổi dự kiến tăng từ 14,2 triệu người năm 2024 lên gần 18 triệu người năm 2030 cho thấy thị trường cho các sản phẩm công nghệ hỗ trợ người cao tuổi sẽ ngày càng lớn. Việt Nam có thể ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm như thiết bị theo dõi sức khỏe từ xa, cảm biến phát hiện té ngã, thiết bị hỗ trợ vận động, ứng dụng nhắc thuốc, nền tảng tư vấn y tế trực tuyến, thiết bị nhà thông minh và công nghệ hỗ trợ giao tiếp. Tuy nhiên, phát triển công nghệ cho người cao tuổi cần tuân thủ nguyên tắc đơn giản, dễ sử dụng, an toàn và có chi phí phù hợp. Không nên chỉ phát triển sản phẩm dựa trên năng lực công nghệ mà bỏ qua đặc điểm về thị lực, thính lực, khả năng vận động và kỹ năng số của người sử dụng.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp thử nghiệm các mô hình “age-tech” tại cộng đồng.

2.3.6. Xây dựng môi trường sống và đô thị thân thiện với người cao tuổi

Phát triển kinh tế bạc không thể tách khỏi không gian sống. Khi số lượng người cao tuổi tăng nhanh, quy hoạch đô thị, giao thông, nhà ở và không gian công cộng cần được điều chỉnh theo hướng thân thiện với tuổi tác. Các công trình công cộng cần có lối tiếp cận thuận tiện, thang máy, tay vịn, biển báo dễ đọc và hệ thống giao thông phù hợp với người hạn chế khả năng vận động. Ở cấp độ nhà ở, cần khuyến khích phát triển các mô hình nhà ở thích ứng với tuổi già, trong đó thiết kế phòng tắm, cầu thang, ánh sáng, hệ thống cảnh báo và không gian sinh hoạt phù hợp với người cao tuổi. Đây đồng thời là thị trường tiềm năng cho ngành xây dựng, kiến trúc, thiết kế nội thất và công nghệ nhà thông minh.

2.3.7. Xây dựng hệ thống dữ liệu và chỉ số đo lường kinh tế bạc

Hiện nay, số liệu về số lượng người cao tuổi tương đối đầy đủ nhưng dữ liệu về quy mô chi tiêu, nhu cầu dịch vụ, khả năng chi trả, thị trường chăm sóc, việc làm của người cao tuổi và đóng góp kinh tế của nhóm này còn chưa đầy đủ. Tổng cục Thống kê cho biết năm 2024 Việt Nam có 14,2 triệu người từ 60 tuổi trở lên và dự kiến đạt gần 18 triệu người vào năm 2030. Trên nền tảng dữ liệu nhân khẩu học này cần xây dựng thêm các chỉ tiêu về quy mô thị trường kinh tế bạc, mức chi tiêu của người cao tuổi, tỷ lệ tham gia lao động sau tuổi nghỉ hưu, số lượng cơ sở chăm sóc, số lao động chăm sóc và doanh thu của các ngành phục vụ người cao tuổi. Đây sẽ là cơ sở để Nhà nước hoạch định chính sách và doanh nghiệp xác định quy mô, phân khúc và tiềm năng thị trường.

3. Kết luận

Già hóa dân số là xu hướng tất yếu của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi nhân khẩu học, đồng thời tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Sự gia tăng nhanh về số lượng và tỷ trọng người cao tuổi đặt ra nhiều thách thức liên quan đến nguồn cung lao động, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn. Tuy nhiên, nếu được tiếp cận từ góc độ phát triển, già hóa dân số không chỉ là vấn đề cần ứng phó mà còn mở ra những cơ hội mới cho tăng trưởng thông qua sự hình thành và mở rộng của kinh tế bạc. Phát triển kinh tế bạc ở Việt Nam có tiềm năng đáng kể trong các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, dịch vụ chăm sóc dài hạn, bảo hiểm và tài chính, nhà ở, công nghệ hỗ trợ, du lịch, giải trí và việc làm phù hợp với người cao tuổi. Tuy nhiên, quá trình này vẫn đối mặt với những hạn chế về khả năng chi trả của người cao tuổi, mức độ bao phủ an sinh xã hội, chất lượng và số lượng dịch vụ chăm sóc, nguồn nhân lực chuyên môn cũng như cơ chế chính sách và dữ liệu về thị trường người cao tuổi. Do đó, Việt Nam cần chuyển từ tư duy chủ yếu coi người cao tuổi là đối tượng thụ hưởng chính sách sang cách tiếp cận coi họ là một chủ thể kinh tế và nguồn lực xã hội quan trọng. Phát triển kinh tế bạc cần được đặt trong một hệ sinh thái tổng thể, kết hợp giữa bảo đảm an sinh, phát triển nền kinh tế chăm sóc, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, đồng thời tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp tục tham gia lao động và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025a). *Thông cáo báo chí kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024*. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>, ngày 06/01/2025.
- Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025b). *Xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/xu-huong-gia-hoa-dan-so-nhanh-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>, ngày 13/01/2025.
- Matthew Jackson (2026). *Già hóa dân số tại Việt Nam: Từ chuyển đổi nhân khẩu học đến cơ hội phát triển*. <https://vietnam.unfpa.org/vi/news/gia-hoa-dan-so-tai-viet-nam-tu-chuyen-doi-nhan-khau-hoc-den-co-hoi-phat-trien>, ngày 10/02/2026.
- Quốc hội (2018). *Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*.
- UNFPA Việt Nam (2025). *Bài phát biểu của Đại diện UNFPA Matt Jackson tại Hội thảo Quốc gia về Hệ thống Chăm sóc Người cao tuổi*. <https://vietnam.unfpa.org/vi/news/bai-phat-bieu-cua-dai-dien-unfpa-matt-jackson-tai-hoi-thao-quoc-gia-ve-hệ-thống-chăm-sóc-người-cao-tuổi>, ngày 29/8/2025.
- World Bank & JICA (2021). *Vietnam: Adapting to an Aging Society*. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/vietnam-adapting-to-an-aging-society>, ngày 24/9/2021.